

Trường Hữu Nghị T78
Học kỳ 1
Năm học 2017-2018

Thời khóa biểu lớp

Buổi chiều

Áp dụng từ ngày 20/11/2017

Ngày	Tiết	10A6	10A7	10A8	10A9	10A10	11A1	11A2	11A3	11A4	11A5	11A6	11A7	11A8	11A9	11A10
Thứ 2	1	Anh - Hằng.A	Tin - Khánh	Văn - Minh	Tin - Hoàng	Sử - Hương.M	Văn - Thom	Sinh - S.Hà	Văn - Khánh.V	Văn - Thảo.V	Toán - Phương	Văn - Tuấn	Sử - Nguyệt.S	Anh - Huyền.B	Toán - Luyến	Anh - Thu.A
	2	Anh - Hằng.A	Văn - Linh.V	Văn - Minh	Địa - T.Huệ	Tin - Hoàng	Văn - Thom	Toán - Nguyễn	Văn - Khánh.V	Văn - Thảo.V	Toán - Phương	Văn - Tuấn	Anh - Thúy.A	Anh - Huyền.B	Toán - Luyến	Anh - Thu.A
	3	Địa - T.Huệ	Văn - Linh.V	Anh - Hương.A	Toán - Thạch	TD - Huyền	Toán - Nguyễn	Văn - Thành.V	TD - Duyên	Địa - Bích.Đ	Toán - Phương	Anh - Thu.A	Anh - Thúy.A	Văn - Khánh.V	Hóa - Nga	Sinh - Ly
	4	Văn - Linh.V	TD - Huyền	Anh - Hương.A	Toán - Thạch	Địa - T.Huệ	Toán - Nguyễn	Văn - Thành.V	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	TD - Duyên	Anh - Thu.A	Sinh - Ly	Văn - Khánh.V	Địa - Bích.Đ	Hóa - Nga
	5	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ	CHÀO CỜ
Thứ 3	1	Toán - Hiếu.T	GDQP - Hằng	Sử - Thúy.S	Văn - Thảo.V	Lý - Sơn	Địa - Bích.Đ	GDQP - Đô	Văn - Khánh.V	Anh - An	Sử - Nguyệt.S	Văn - Tuấn	Anh - Thúy.A	Toán - Bình	Toán - Luyến	Văn - Nhung.V
	2	Toán - Hiếu.T	TD - Huyền	Anh - Hương.A	Văn - Thảo.V	GDQP - Hằng	Toán - Nguyễn	Địa - Bích.Đ	Văn - Khánh.V	Anh - An	Toán - Phương	Văn - Tuấn	Văn - Thom	Toán - Bình	Toán - Luyến	Văn - Nhung.V
	3	Văn - Linh.V	Lý - Đại	Anh - Hương.A	Lý - Sơn	Anh - An	Toán - Nguyễn	TD - Duyên	Toán - Phương	Văn - Thảo.V	Địa - Bích.Đ	Sử - Nguyệt.S	Văn - Thom	GDCD - Thủy	Anh - Thu.A	Lý - Loan
	4	Hóa - Bích.H	CN - T.Hà	Văn - Minh	GDCD - Hiếu	TD - Huyền	GDQP - Đô	Lý - Loan	TD - Duyên	Văn - Thảo.V	Lý - Đại	Tin - Linh.T	GDCD - Thủy	Hóa - Thúy.H	Sử - Nguyệt.S	Anh - Thu.A
	5	CN - T.Hà	Sử - Hương.M	Văn - Minh	Anh - An	GDCD - Hiếu										
Thứ 4	1	Anh - Hằng.A	Toán - Thạch	Hóa - Hà.H	Anh - An	Địa - T.Huệ	Tin - Linh.T	Anh - Diệp	Hóa - Thúy.H	GDCD - Thủy	Lý - Đại	Toán - Phương	Địa - Bích.Đ	Tin - Hoàng	CN - Linh.CN	Anh - Thu.A
	2	Anh - Hằng.A	Văn - Linh.V	Địa - T.Huệ	Văn - Thảo.V	Anh - An	GDCD - Thủy	Anh - Diệp	Tin - Linh.T	Toán - Phương	TD - Duyên	Địa - Bích.Đ	Lý - Đại	Hóa - Thúy.H	Anh - Thu.A	GDQP - Đô
	3	Sinh - Ly	Văn - Linh.V	Toán - Thạch	Văn - Thảo.V	Anh - An	TD - Duyên	Văn - Thành.V	Toán - Phương	Hóa - Nga	GDCD - Thủy	CN - Linh.CN	GDQP - Đô	Lý - Đại	Anh - Thu.A	TD - Dũng
	4	Địa - T.Huệ	Hóa - Hà.H	Toán - Thạch	TD - Huyền	Lý - Sơn	Hóa - Nga	Văn - Thành.V	Toán - Phương	TD - Duyên	Sinh - S.Hà	GDQP - Đô	CN - Linh.CN	Sinh - Ly	TD - Dũng	Toán - Bình
	5															
Thứ 5	1	GDQP - Hằng	Anh - Hương.A	Tin - Khánh	Lý - Sơn	Văn - Linh.V	Lý - Bằng	Anh - Diệp	GDCD - Thủy	Anh - An	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Toán - Thạch	CN - Linh.CN	Anh - Thu.A	Địa - Bích.Đ
	2	Tin - Khánh	Anh - Hương.A	Toán - Thạch	GDQP - Hằng	Văn - Linh.V	TD - Duyên	Anh - Diệp	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Văn - Thành.V	GDCD - Thủy	Lý - Đại	Địa - Bích.Đ	TD - Dũng	CN - Linh.CN
	3	Văn - Linh.V	Tin - Khánh	GDQP - Hằng	TD - Huyền	Toán - Thanh.T	Văn - Thom	Toán - Nguyễn	Anh - Thúy.A	Toán - Phương	Văn - Thành.V	Sinh - S.Hà	Tin - Linh.T	Lý - Đại	Lý - Loan	TD - Dũng
	4	Văn - Linh.V	Hóa - Hà.H	TD - Huyền	Toán - Thạch	Toán - Thanh.T	Văn - Thom	Lý - Loan	Địa - Bích.Đ	Anh - An	CN - Linh.CN	Hóa - Giang	Anh - Thúy.A	TD - Dũng	GDCD - Thủy	Sử - Nguyệt.S
	5	TD - Huyền	Toán - Thạch	Hóa - Hà.H	Hóa - Bích.H	Sinh - Ly										
Thứ 6	1	Lý - Thanh.L	GDCD - Hiếu	Địa - T.Huệ	Hóa - Bích.H	Tin - Hoàng	Lý - Bằng	Toán - Nguyễn	Anh - Thúy.A	Sinh - S.Hà	Văn - Thành.V	Toán - Phương	Hóa - Giang	Sử - Nguyệt.S	Hóa - Nga	Toán - Bình
	2	TD - Huyền	Sinh - Ly	Toán - Thạch	Địa - T.Huệ	Văn - Linh.V	Anh - Thúy.A	Toán - Nguyễn	Lý - Bằng	GDQP - Đô	Văn - Thành.V	Toán - Phương	Hóa - Giang	Toán - Bình	Tin - Hoàng	Hóa - Nga
	3	Hóa - Bích.H	Lý - Đại	GDCD - Hiếu	Sinh - Ly	Văn - Linh.V	Anh - Thúy.A	Tin - Linh.T	Toán - Phương	Hóa - Nga	Hóa - Giang	TD - Dũng	Toán - Thạch	Toán - Bình	GDQP - Đô	Tin - Hoàng
	4	Toán - Hiếu.T	Địa - T.Huệ	TD - Huyền	Tin - Hoàng	Hóa - Bích.H	Sử - Hương.S	Hóa - Nga	Sinh - S.Hà	Tin - Linh.T	Anh - Thúy.A	Lý - Đại	Toán - Thạch	TD - Dũng	Văn - Thom	Văn - Nhung.V
	5	Toán - Hiếu.T	Địa - T.Huệ	Sinh - Ly	Toán - Thạch	Hóa - Bích.H	Sinh - S.Hà	CN - Văn	Hóa - Thúy.H	Lý - Đại	Anh - Thúy.A	Hóa - Giang	TD - Dũng	GDQP - Đô	Văn - Thom	Văn - Nhung.V
Thứ 7	1	Lý - Thanh.L	Toán - Thạch	CN - T.Hà	Anh - An	Toán - Thanh.T	CN - Văn	Hóa - Nga	Lý - Bằng	Lý - Đại	Anh - Thúy.A	Anh - Thu.A	Văn - Thom	Anh - Huyền.B	Sinh - Ly	GDCD - Thủy
	2	GDCD - Hiếu	Toán - Thạch	Lý - Đại	Anh - An	Toán - Thanh.T	Hóa - Nga	Sử - Hương.S	GDQP - Đô	TD - Duyên	Hóa - Giang	Anh - Thu.A	Văn - Thom	Anh - Huyền.B	Lý - Loan	Toán - Bình
	3	Tin - Khánh	Anh - Hương.A	Lý - Đại	Sử - Hương.M	CN - S.Hà	Anh - Thúy.A	GDCD - Thủy	CN - Hương.CN	Sử - Nguyệt.S	GDQP - Đô	TD - Dũng	Toán - Thạch	Văn - Khánh.V	Văn - Thom	Toán - Bình
	4	Sử - Hương.M	Anh - Hương.A	Tin - Khánh	CN - S.Hà	Anh - An	Anh - Thúy.A	TD - Duyên	Sử - Nguyệt.S	CN - Hương.CN	Tin - Hoàng	Lý - Đại	TD - Dũng	Văn - Khánh.V	Văn - Thom	Lý - Loan
	5	SH - Khánh	SH - Hà.H	SH - Thúy.S	SH - Thảo.V	SH - Hương.M	SH - Duyên	SH - Loan	SH - Hương.CN	SH - An	SH - Hoàng	SH - S.Hà	SH - Thom	SH - Huyền.B	SH - Luyến	SH - Nguyệt.S